

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2026/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 120/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xác định tuyến, địa bàn trọng điểm phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia



phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1371/BC-PC ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu và vốn ngân sách địa phương bố trí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập kế hoạch, lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ; Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phân bổ vốn có trọng tâm, trọng điểm và bền vững để thực hiện Chương trình.

a) Ưu tiên bố trí vốn thực hiện công tác giảm cầu và hỗ trợ cho các địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy; xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Gắn phân bổ vốn với kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ giải ngân.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, dễ tính toán, dễ áp dụng, không dàn trải, không bình quân.

d) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

4. Căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ, bảo đảm đồng bộ, không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, hoạt động với các chương trình mục tiêu quốc gia khác. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan, đơn vị và thực hiện phân cấp triệt để cho các cấp chính quyền địa phương.

5. Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Chương trình; phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao, khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định tại Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Vốn đầu tư phát triển

Căn cứ danh mục các công trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn hợp lý theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Vốn sự nghiệp

2.1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho cấp xã

a) Tiêu chí, hệ số gốc phân bổ cho các địa phương theo đối tượng xã

Kết quả rà soát, đánh giá hằng năm về tuyến, địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy, địa bàn không ma túy theo Quyết định số 28/2025/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ được sử dụng để xác định hệ số phân bổ cho các địa phương theo nguyên tắc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá của năm liền kề trước năm ngân sách làm căn cứ xác định hệ số phân bổ cho năm ngân sách.

Hệ số gốc:

- Xã, phường không ma túy: hệ số 1,0.
- Xã, phường trọng điểm, phức tạp về ma túy loại III: hệ số 1,5.
- Xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy loại II: hệ số 2,0.
- Xã, phường trọng điểm phức tạp về ma túy loại I: hệ số 3,0.



b) Tiêu chí, hệ số tăng thêm: Áp dụng đối với xã, phường có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh: hệ số gốc tăng thêm 1,5 lần.

c) Tổng hệ số = Hệ số gốc x 1,5 (đối với địa bàn thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản này).

2.2. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách cho các sở, ngành

a) Dựa trên tính chất, quy mô, khối lượng công việc và các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể được giao cho các sở, ngành chủ trì tại các Dự án, Tiểu dự án thành phần của Chương trình.

b) Đề xuất dự toán kinh phí của các sở, ngành chủ trì Dự án, Tiểu dự án thành phần để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình bảo đảm định mức chi theo quy định hiện hành.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ngành; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của sở, ngành.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn trong các năm trước liền kề.

2.3. Định mức, phương pháp phân bổ vốn

a) Phần vốn thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh được xác định trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động, dự án do các sở, ngành cấp tỉnh chủ trì thực hiện. Phần vốn phân bổ cho cấp xã là phần còn lại sau khi bố trí cho các nhiệm vụ cấp tỉnh và được phân bổ theo tiêu chí, hệ số quy định tại khoản 2.1 Điều này.

b) Mức vốn phân bổ cho từng xã, phường

Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn thực hiện Chương trình trừ số vốn phân bổ cho cấp tỉnh. Số vốn phân bổ cho cấp xã được tính như sau:

$$V = \frac{T}{K} \times H$$

V: Số vốn phân bổ cho cấp xã;

T: Tổng số vốn được giao cho cấp xã;

K: Tổng hệ số của tất cả các xã, phường;

H: Tổng hệ số của 01 xã, phường bằng: Hệ số gốc nhân hệ số tăng thêm.



c) Hằng năm, căn cứ dự toán ngân sách trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối ngân sách địa phương, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định; bảo đảm các mức tối thiểu về giảm cung, giảm cầu, giảm tác hại và nhiệm vụ đột xuất, cấp bách theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg.

Điều 5. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình gồm kinh phí do ngân sách địa phương bố trí hằng năm theo khả năng cân đối, phân cấp ngân sách và nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền quyết định; trong đó ưu tiên phân bổ để thực hiện các chính sách phòng, chống ma túy đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại Nghị quyết số 58/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025.

2. Đối với vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương bố trí để thực hiện Chương trình, việc phân bổ vốn thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh; chỉ bố trí vốn cho các dự án thuộc Chương trình đã có đầy đủ hồ sơ, thủ tục đầu tư và bảo đảm điều kiện bố trí vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Việc bố trí, quản lý, sử dụng vốn đối ứng ngân sách địa phương phải bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi; công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; không trùng lặp với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án, nhiệm vụ và chính sách khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, ngân sách địa phương hỗ trợ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.



Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khoá XIX, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Các bộ: Công an, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong
Nguyễn Hồng Phong

